

## **Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27

## Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 201 - 203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiên Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Đoàn Hồng Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên	Từ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Hoàng Thống	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiên Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 01 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B01a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TPHCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,840,948,840,362</b>	<b>2,260,483,858,292</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>858,936,894,497</b>	<b>127,425,042,786</b>
1. Tiền	111	4	175,527,262,714	127,425,042,786
2. Các khoản tương đương tiền	112		683,409,631,783	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,187,369,733,350</b>	<b>584,743,323,023</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	1,139,469,753,263	562,381,107,838
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	55,284,878,780	8,334,432,737
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	350,000,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	36,789,130,375	57,027,372,886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(44,154,029,068)	(43,349,590,438)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>773,034,245,134</b>	<b>1,431,280,315,741</b>
1. Hàng tồn kho	141		789,086,961,186	1,446,529,219,331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16,052,716,052)	(15,248,903,590)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21,607,967,381</b>	<b>117,035,176,742</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	6,278,739,044	2,508,383,548
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,329,228,337	114,526,793,194

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TPHCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01a-DN

Đơn vị tính: VND.

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>233,750,697,847</b>	<b>148,594,111,995</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8,619,120,500</b>	<b>3,988,264,000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	284,750,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	8,619,120,500	3,703,514,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85,652,777,465</b>	<b>78,903,099,133</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	26,202,583,956	18,942,978,263
<i>Nguyên giá</i>	222		51,986,126,033	46,037,880,703
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25,783,542,077)	(27,094,902,440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	59,450,193,509	59,960,120,870
<i>Nguyên giá</i>	228		62,867,121,238	62,789,309,858
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,416,927,729)	(2,829,188,988)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>102,945,750,000</b>	<b>47,169,705,700</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		100,000,000,000	44,223,955,700
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,945,750,000	2,945,750,000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>36,533,049,882</b>	<b>18,533,043,162</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2,620,452,674	3,919,372,046
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33,912,597,208	14,613,671,116
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>3,074,699,538,209</u></b>	<b><u>2,409,077,970,287</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B01a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TPHCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**


Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND


<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,914,014,454,863</b>	<b>1,467,063,144,708</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,909,405,825,436</b>	<b>1,462,596,683,781</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	937,474,308,984	696,623,024,791
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	66,570,706,897	2,314,780,599
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	41,654,425,267	27,721,570,988
4. Phải trả người lao động	314		16,574,478,331	15,500,519,107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	203,048,247,440	99,090,077,372
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	14,482,584,509	6,701,823,803
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	629,601,074,208	614,644,887,121
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,608,629,427</b>	<b>4,466,460,927</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	4,608,629,427	4,466,460,927
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,160,685,083,346</b>	<b>942,014,825,579</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>1,160,685,083,346</b>	<b>942,014,825,579</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		431,517,470,000	419,517,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431,517,470,000	419,517,470,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		673,806,789,096	467,136,531,329
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		424,136,253,329	174,798,571,974
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		249,670,535,767	292,337,959,355
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,074,699,538,209</b>	<b>2,409,077,970,287</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

  
Trần Quốc Tâm  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THE GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước		
01	18.1	4,074,622,807,642	2,579,878,169,901	12,644,818,992,632	8,557,034,042,827
02	18.1	(94,371,957,819)	(87,421,125,271)	(172,421,789,158)	(113,472,388,409)
10	18.1	3,980,250,849,823	2,492,457,044,630	12,472,397,223,474	8,443,561,654,418
11	19	(3,736,293,822,719)	(2,332,396,552,266)	(11,691,853,199,291)	(7,914,867,060,194)
20		243,957,027,104	160,060,492,364	780,544,024,183	528,694,594,224
21	18.2	21,158,149,655	14,690,407,468	82,336,511,755	60,286,696,245
22	20	(3,187,415,387)	(2,541,573,041)	(33,361,305,804)	(51,112,735,162)
23		(2,354,417,033)	(8,709,537,257)	(26,849,469,321)	(47,126,948,382)
24	21	(141,099,480,302)	(68,481,068,432)	(417,981,373,657)	(223,555,493,629)
25	21	(11,721,712,760)	(30,427,787,351)	(85,950,201,408)	(92,845,635,704)
30		109,106,568,310	73,300,471,008	325,596,565,069	221,467,625,974
31	22	294,275,764	492,601,906	3,155,401,630	3,502,036,600
32	22	(340,980,538)	(477,263,327)	(1,466,273,085)	(1,470,214,306)
40	22	(46,704,774)	15,348,579	1,689,128,546	2,031,822,294
50		109,059,863,536	73,315,819,587	327,285,783,614	223,489,348,268
51	24	(47,148,943,231)	(27,822,841,392)	(96,914,173,939)	(60,559,025,612)
52		19,298,926,092	11,858,277,573	19,298,926,092	11,858,277,573
60		81,209,846,357	57,351,255,768	295,670,535,767	174,798,600,329

*Quoten*

Trần Quốc Tâm  
 Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hiền  
 Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		327,285,783,614	223,499,348,268
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4,938,239,589	4,655,248,241
- Các khoản dự phòng	03		1,608,251,092	18,521,035,619
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,343,483,357)	(78,058,154)
- Chi phí lãi vay	06		26,849,469,321	47,126,948,382
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		354,338,260,259	293,724,522,356
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(517,068,577,568)	23,652,980,295
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		657,442,258,145	(159,433,245,088)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay)	11		424,649,511,890	242,727,745,794
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,471,436,124)	2,901,027,366
- Tiền lãi vay đã trả	14		(28,782,448,105)	(46,981,599,902)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(87,635,583,977)	(43,661,633,372)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>800,471,984,520</b>	<b>312,929,797,449</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,026,056,710)	(2,084,927,178)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,192,575,757	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(634,750,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		350,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(55,776,044,300)	(20,490,050,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,343,483,357	78,058,154
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(52,916,041,896)</b>	<b>(23,131,669,024)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B03a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	12,000,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	3,833,040,735,122	3,888,777,733,210
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,818,084,548,035)	(4,099,250,935,433)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43,000,278,000)	(20,900,139,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(16,044,090,913)</b>	<b>(231,373,341,223)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>731,511,851,711</b>	<b>58,424,787,202</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>127,425,042,786</b>	<b>69,000,255,584</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>858,936,894,497</b>	<b>127,425,042,786</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Trần Quốc Tâm  
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 201 - 203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 376 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 465).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt Hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu kỳ</i>
Tiền mặt	120,472,436	188,705,725
Tiền gửi ngân hàng & các khoản tương đương tiền	858,803,239,135	127,143,687,047
Tiền đang chuyển	13,182,926	92,650,014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>858,936,894,497</b>	<b>127,425,042,786</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu kỳ</i>
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động	71,498,653,953	174,606,533,671
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	46,990,560,875	-
CN Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim - TTMS Nguyễn Kim Tráng Thi.	690,682,809	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,020,289,855,626	372,219,769,668
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,139,469,753,263</b>	<b>562,381,107,838</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,294,113,386)	(10,002,035,723)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1,129,175,639,877</b>	<b>552,379,072,115</b>
Trong đó:		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	31,935,617,990	13,850,804,499

**5.2 Trả trước cho người bán**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu kỳ</i>
Công ty TNHH Sức Bật	1,380,939,355	-
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	2,733,205,458	-
Trả trước cho người bán khác	51,170,733,967	8,334,432,737
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55,284,878,780</b>	<b>8,334,432,737</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	VND
		Số đầu kỳ
Tạm ứng cho nhân viên	1,971,189,768	204,318,123
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Khác	1,923,841,115	23,948,955,271
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36,769,130,375</b>	<b>57,027,372,886</b>
Dự phòng phải thu khác	(33,859,915,682)	(33,347,554,715)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>2,909,214,693</b>	<b>23,679,818,171</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc, ký quỹ	8,619,120,500	3,703,514,000

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ	VND
		Số đầu kỳ
Hàng hóa	468,803,227,258	1,216,054,084,169
Hàng gửi đi bán	7,495,657,337	4,871,741,860
Hàng mua đang đi đường	312,753,076,591	220,549,306,326
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35,000,000	5,054,086,976
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>789,086,961,186</b>	<b>1,446,529,219,331</b>
Dự phòng HTK	(16,052,716,052)	(15,248,903,590)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>773,034,245,134</b>	<b>1,431,280,315,741</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	VND
		Số đầu kỳ
Chi phí hoạt động	6,202,808,618	2,243,581,882
Công cụ, dụng cụ	75,930,426	264,801,666
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6,278,739,044</b>	<b>2,508,383,548</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	247,643,276	484,137,275
Khác	2,372,809,398	3,435,234,771
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2,620,452,674</b>	<b>3,919,372,046</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-DN

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	21,183,180,735	4,919,390,889	17,022,472,435	2,912,836,644	46,037,880,703
Mua sắm	-	79,151,978	11,530,620,999	39,575,989	11,649,348,966
Thanh lý	-	-	5,701,103,636	-	(5,701,103,636)
Số cuối kỳ	<b>21,183,180,735</b>	<b>4,998,542,867</b>	<b>22,851,989,798</b>	<b>2,952,412,633</b>	<b>51,986,126,033</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	8,802,476,701	2,737,503,901	12,790,637,409	2,764,284,429	27,094,902,440
Khấu hao trong năm	853,605,090	745,966,969	2,690,418,051	60,510,738	4,350,500,848
Thanh lý	-	-	5,661,861,211	-	5,661,861,211
Số cuối kỳ	<b>9,656,081,791</b>	<b>3,483,470,870</b>	<b>9,819,194,249</b>	<b>2,824,795,167</b>	<b>25,783,542,077</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	12,380,704,034	2,181,886,988	4,231,835,026	148,552,215	18,942,978,263
Số cuối kỳ	<b>11,527,098,944</b>	<b>1,515,071,997</b>	<b>13,032,795,549</b>	<b>127,617,466</b>	<b>26,202,583,956</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

			VND	
	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>	
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	5,408,617,058	57,380,692,800	62,789,309,858	
Mua sắm	76,328,000	1,483,380	77,811,380	
Phân loại lại	-	-	-	
Số cuối kỳ	<u>5,484,945,058</u>	<u>57,382,176,180</u>	<u>62,867,121,238</u>	
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	-	-	2,829,188,988	
Khấu hao trong năm	628,238,741	-	628,238,741	
Thanh lý	40,500,000	-	40,500,000	
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3,416,927,729</u>	
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	2,579,428,070	57,380,692,800	59,960,120,870	
Số cuối kỳ	<u>2,068,017,329</u>	<u>57,382,176,180</u>	<u>59,450,193,509</u>	

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100	<u>100,000,000,000</u>	100	<u>44,223,955,700</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.1	<u>2,945,750,000</u>	49.1	<u>2,945,750,000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Asus Global Pte. Ltd	138,154,229,907	205,407,232,123
Acer Incorporated	58,190,843,732	73,105,929,110
Logitech Asia Pacific Limited	27,078,846,094	23,793,069,306
Xiaomi H.K Limited	452,091,351,184	212,321,038,271
Nhà cung cấp khác	261,959,038,067	181,995,755,981
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>937,474,308,984</b>	<b>696,623,024,791</b>
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	2,663,915,156

**12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
XIAOMI H.K Limited	23,870,462,135	-
Khác	42,700,244,562	2,314,780,599
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66,570,706,697</b>	<b>2,314,780,599</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Chiết khấu thương mại	47,819,189,397	48,226,930,892
Chi phí lãi vay	722,181,890	2,655,160,674
Chi phí hoạt động	154,706,876,153	48,205,985,806
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>203,048,247,440</b>	<b>99,090,077,372</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36,762,614,347	27,484,024,385
Thuế thu nhập cá nhân	135,891,929	237,546,603
Thuế GTGT phải nộp	4,755,918,991	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41,654,425,267</b>	<b>27,721,570,988</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu kỳ</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	1,399,608,759	1,733,597,097
Phải trả khác	13,082,975,750	4,968,226,706
<b>Cộng</b>	<b>14,482,584,509</b>	<b>6,701,823,803</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	2,081,500
Nhận ký quỹ, ký cược	4,608,629,427	4,464,379,427
<b>Cộng</b>	<b>4,608,629,427</b>	<b>4,466,460,927</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19,091,213,936</b>	<b>11,168,284,730</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-DN

**16. VAY NGAN HẠN**

Ngân hạn Vay ngân hàng	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ	VND
	<b>614,644,887,121</b>	<b>3,833,040,735,122</b>	<b>(3,818,084,548,035)</b>		<b>629,601,074,208</b>
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:					
Tên ngân hàng	Số cuối kỳ	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC ( Việt Nam)	251,062,796,310	Ngày 25/02/2021 đến 23/03/2021	2.5% - 3%	Một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD	
Ngân Hàng TMC.P Quân Đội - CN Sài Gòn	39,426,913,690	Ngày 06/01/2021 đến 07/01/2021	4.50%	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND	
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	212,102,087,858	Ngày 30/01/2021 đến 29/03/2021	3.50%	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ và các khoản phải thu trị giá 74 tỷ VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	23,807,276,350	Ngày 17/04/2021	4.00%	Không có tài sản đảm bảo	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh 1 TP.HCM	103,200,000,000	Ngày 23/04/2021	3.50%	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>629,601,074,208</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THE GIỚI SÓ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-DN

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	407,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	313,238,098,355	776,116,392,605
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20,900,139,000)	(20,900,139,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	174,798,571,974	174,798,571,974
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<b>419,517,470,000</b>	<b>61,233,761,416</b>	<b>(6,272,937,166)</b>	<b>400,000,000</b>	<b>467,136,531,329</b>	<b>942,014,825,579</b>
<b>Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	419,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	467,136,531,329	942,014,825,579
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(43,000,278,000)	(43,000,278,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	249,670,535,767	249,670,535,767
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<b>431,517,470,000</b>	<b>61,233,761,416</b>	<b>(6,272,937,166)</b>	<b>400,000,000</b>	<b>673,806,789,096</b>	<b>1,160,685,083,346</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	43,151,747	41,951,747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	43,151,747	41,951,747
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43,151,747	41,951,747
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	43,000,278	41,800,278
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43,000,278	41,800,278

**18. DOANH THU****18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>12,644,818,992,632</b>	<b>8,557,034,042,827</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,644,818,992,632	8,557,034,042,827
Các khoản giảm trừ doanh thu	(172,421,769,158)	(113,472,388,409)
khấu		
thương mại	(172,421,769,158)	(113,472,388,409)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>12,472,397,223,474</b>	<b>8,443,561,654,418</b>

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	114,929,977	78,058,154
Lãi chênh lệch tỷ giá	39,655,258,085	18,801,540,297
Chiết khấu thanh toán được hưởng	38,114,313,973	40,889,055,074
Khác	4,451,009,720	518,042,720
<b>Cộng</b>	<b>82,335,511,755</b>	<b>60,286,696,245</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11,691,853,199,291	7,914,867,060,194
	<b>11,691,853,199,291</b>	<b>7,914,867,060,194</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	26,849,469,321	47,126,948,382
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5,976,866,785	2,885,125,371
Khác	524,969,718	1,100,661,409
<b>Cộng</b>	<b>33,351,305,804</b>	<b>51,112,735,162</b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	41,717,365,112	45,834,601,103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40,044,997,101	20,823,058,024
Khác	336,219,011,444	156,897,834,502
	<b>417,981,373,657</b>	<b>223,555,493,629</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	39,597,477,074	32,709,594,888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,854,892,671	17,831,181,161
Chi phí bằng tiền khác	14,497,831,663	42,304,759,655
	<b>85,950,201,408</b>	<b>92,845,535,704</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>503,931,575,065</b>	<b>316,401,029,333</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP.HCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3,155,401,630</b>	<b>3,502,036,600</b>
Thu nhập khác	3,155,401,630	3,502,036,600
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1,466,273,085)</b>	<b>(1,470,214,306)</b>
Các khoản chi phí khác	(1,466,273,085)	(1,470,214,306)
<b>THU NHẬP THUẬN</b>	<b>1,689,128,545</b>	<b>2,031,822,294</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí mua hàng và dịch vụ	11,691,853,199,291	7,914,867,060,194
Chi phí nhân công	81,314,842,186	78,544,195,991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,938,239,589	4,655,248,241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71,899,889,772	38,654,239,185
Chi phí bằng tiền khác	345,778,603,518	194,547,345,916
	<b>12,195,784,774,356</b>	<b>8,231,268,089,527</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kê toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Lợi nhuận kê toán trước thuế	327,285,783,614	223,499,348,268
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	96,914,173,939	60,559,025,512
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>96,914,173,939</b>	<b>60,559,025,512</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THE GIỚI SỐ**

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09b-DN

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 1 DIGITAL TECHNOLOGY**

Các giao dịch trong yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ, hàng hóa	3,898,543,387	1,079,627,273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	94,696,536,388	13,983,648,235
Công ty TNHH Một Thành Viên 1 Digital Technology	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	17,744,218,352	221,509,067
Các khoản phải thu, phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu khách hàng ngắn hạn Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L & Chi nhánh				VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	31,935,817,990	13,850,804,499
Phải trả người bán ngắn hạn Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty liên kết Công ty con	Cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ	- -	350,000,000 2,663,915,156
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:				
Lương và thưởng			Kỳ này 538,343,890	VND Kỳ trước 531,060,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ**

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**26. CÁC CAM KẾT****26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dưới 1 năm	15,793,727,999	11,894,215,260
Từ 1 đến 5 năm	30,693,710,453	27,441,960,000
Trên 5 năm	14,086,800,000	18,782,400,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60,574,238,452</b>	<b>58,118,575,260</b>

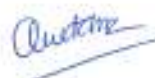
**26.2 Cam kết góp vốn**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VND	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VND
		Số tiền VND	%		
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100,000,000,000	100,000,000,000	100	100,000,000,000	-

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Quốc Tâm  
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

